

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DS-ST
Ngày: 17-02-2023
V/v tranh chấp hợp đồng phân phối
thức ăn thủy sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Thanh Việt;
- Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 385/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng phân phối thức ăn thủy sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 526/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Quốc tế Th;

Trụ sở: Lô số A1 - A2 khu công nghiệp S, xã T, huyện L, tỉnh Khánh Hòa;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chuang Jie C, chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh K, chức vụ: nhân viên kinh doanh;

Địa chỉ liên lạc: Lô số A1 - A2 khu công nghiệp D, xã T, huyện L, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bị đơn: Ông Phạm Nguyễn Quốc D, sinh năm 1995;
 Cư trú: số 54/165 đường Tr, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.
Tại phiên tòa, ông K có mặt, ông D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình làm việc, hòa giải, giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh K đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH Quốc tế Th và ông Phạm Nguyễn Quốc D có ký kết Hợp đồng phân phối thức ăn thủy sản số: HĐPP/LT/AGI-04 ngày 02 tháng 01 năm 2020 để Công ty đồng ý giao quyền phân phối cho ông D, ông D nhận là nhà phân phối cho Công ty đối với sản phẩm là thức ăn cá nhãn hiệu của Công ty, do Công ty sản xuất, trong phạm vi khu vực mà hai bên thỏa thuận. Sau khi ký kết hợp đồng, các bên đã thực hiện đúng các thỏa thuận trên hợp đồng. Vào các tháng cao điểm của vụ nuôi, Công ty đồng ý cho ông D nhận hàng trước và thanh toán trả sau. Sau khi đại lý nhận hàng thì 60 ngày sau phải thanh toán cho Công ty theo giá trị lô hàng đã nhận để thực hiện đúng giao kết giữa hai bên. Nhưng ông D đã không thực hiện đúng thỏa thuận. Công ty nhiều lần làm việc với ông D để tìm phương án xử lý số nợ quá hạn. Thì đến ngày 06 tháng 04 năm 2021 ông D đã làm 01 Bản cam kết kế hoạch thanh toán với nội dung là “Tháng 04: đại lý sẽ thanh toán 150.000.000 đồng xin nhận hàng lại. Tháng 05: đại lý sẽ thanh toán 150.000.000 đồng xin nhận hàng lại. Tháng 06: đại lý thanh toán 230.000.000 đồng xin nhận hàng lại”. Nhưng đại lý đã không thực hiện như cam kết.

Đến ngày 31 tháng 5 năm 2021 thì giữa Công ty và ông D đã xác lập Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ: ông D còn nợ công ty 880.540.927 đồng (tính đến ngày 31 tháng 5 năm 2021). Sau khi hai bên xác nhận công nợ thì ông D trả được cho Công ty 200.000.000 đồng (cụ thể ngày 02 tháng 11 năm 2021 trả 100.000.000 đồng; ngày 28 tháng 01 năm 2022 trả 100.000.000 đồng). Phần công nợ còn lại thì ông D vẫn không thanh toán mặc dù Công ty đã nhiều lần nhắc nhở, điều này gây thiệt hại rất lớn cho Công ty.

Vì vậy, Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Phạm Nguyễn Quốc D thanh toán toàn bộ số công nợ quá hạn còn tồn đọng đến thời điểm hiện tại căn cứ theo Hợp đồng phân phối thức ăn thủy sản số HĐPP/LT/AGI-04 ngày 02 tháng 01 năm 2020 là 680.540.927 đồng. Đồng thời ông D phải thanh toán phần lãi chậm trả tạm tính theo mức lãi suất quá hạn chậm thanh toán của pháp luật quy định từ ngày 01 tháng 06 năm 2021 đến ngày 25 tháng 7 năm 2022 tương đương số tiền 71.456.797 đồng.

Số tiền lãi mà Công ty yêu cầu ông D thanh toán là theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước $9\%/năm = 0.75\%/tháng$; điều này là Công ty đã tạo điều kiện để ông D trả được hết nợ cho Công ty.

Bị đơn ông Phạm Nguyễn Quốc D: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

- Ông K đại diện cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đối với yêu cầu tính lãi là yêu cầu tính tròn 14 tháng từ ngày 01 tháng 6 năm 2021 đến ngày 01 tháng 8 năm 2022 với số tiền 71.456.797 đồng.

- Ông D vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền mua hàng còn nợ. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố X. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng phân phối thức ăn thủy sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Nguyễn Quốc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện giữa Công ty TNHH Quốc tế Th và ông Phạm Nguyễn Quốc D có ký kết Hợp đồng phân phối thức ăn thủy sản số: HĐPP/LT/AGI-04 ngày 02 tháng 01 năm 2020. Các bên đã thực hiện hợp đồng, giao hàng, thanh toán tiền hàng được một thời gian. Tuy nhiên, khi Công ty Th thực hiện cho ông D được mua trả chậm sản phẩm thì ông D lại không thanh toán đầy đủ tiền mua hàng cho Công ty. Vì vậy Công ty Th khởi kiện yêu cầu ông D phải trả số tiền mua hàng còn nợ. Về phía ông D, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng ông D đều vắng mặt và không cung cấp ý kiến đối với các Hợp đồng phân phối thức ăn thủy sản, Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ mà Công ty Th cung cấp, không có ý kiến phản bác đối với số tiền còn nợ lại, yêu cầu về việc trả lãi.

[3.2] Xét thấy: giao dịch phân phối thừa ăn thủy sản giữa các bên đã được xác lập trên sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên là giao dịch hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Sau khi nhận được hàng hóa mua trả chậm thì

ông D lại không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán. Đến ngày 31 tháng 5 năm 2021, các bên thực hiện đối chiếu và xác nhận công nợ ông D còn nợ là 880.540.927 đồng. Sau khi đối chiếu công nợ, ông D chỉ thanh toán được 200.000.000 đồng (cụ thể ngày 02 tháng 11 năm 2021 trả 100.000.000 đồng; ngày 28 tháng 01 năm 2022 trả 100.000.000 đồng), rồi không thực hiện thanh toán nữa kể cả khi Công ty Th đã nhiều lần yêu cầu. Như vậy, ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà các bên đã thỏa thuận tại Điều 6 và mục 8.6 Điều 8 Hợp đồng phân phối thức ăn thủy sản số: HĐPP/LT/AGI-04 ngày 02 tháng 01 năm 2020. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty Th đối với số tiền vốn gốc là có căn cứ.

[3.3] Về yêu cầu trả lãi chậm thanh toán:

[3.3.1] Tại Điều 6 của Hợp đồng phân phối thức ăn thủy sản số: HĐPP/LT/AGI-04 ngày 02 tháng 01 năm 2020, Công ty Th và ông D cùng thỏa thuận *“Thời hạn trả chậm 60 ngày là số ngày xác định tính theo ngày dương lịch không phải là ngày làm việc và bao gồm cả các ngày nghỉ cuối tuần và lễ tết mà Bên A (Công ty Th) đồng ý cho Bên B (ông Phạm Nguyễn Quốc D) chậm trả cho từng lô hàng kể từ ngày nhận hàng. Có nghĩa là một lô hàng không được nợ quá 60 ngày theo lịch. Sau khi hết thời hạn trả chậm này tất cả các hóa đơn trong chu kỳ cần được thanh toán đầy đủ. Nếu Bên B không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ giá trị lô hàng cho Bên A được xem là vi phạm nghĩa vụ thanh toán”*. Khi ông D không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán đúng thỏa thuận nêu trên thì Công ty Th đã nhiều lần nhắc nhở, ông D và Công ty Long Thanh mới lập Bản cam kết kế hoạch thanh toán ngày 17 tháng 4 năm 2021. Theo đó, ông D cam kết tháng 4, tháng 5, tháng 6 năm 2021 đại lý sẽ chuyển thanh toán tiền và xin nhận hàng lại; *“Trường hợp chậm thanh toán một đợt thì xem như tất cả các đợt còn lại và toàn bộ số nợ sẽ đến hạn thanh toán ngay. Khi đó chúng tôi phải lập tức thanh toán hết tất cả các khoản nợ còn lại trong vòng 3 ngày cho Công ty, kể từ ngày cam kết thanh toán bị quá ngày. Đồng thời chúng tôi sẽ chịu phạt vi phạm theo quy định pháp luật và phải trả thêm lãi suất chậm trả theo lãi suất quá hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam cho toàn bộ số tiền mà chúng tôi đang nợ từ trước đến nay cho đến ngày hoàn thành nghĩa vụ trả nợ”*. Tuy nhiên, ông D cũng không thực hiện việc trả tiền như Bản cam kết kế hoạch thanh toán đã được lập.

[3.3.2] Như vậy, ông D đã vi phạm nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ tháng 04 năm 2021, nên phải chịu lãi chậm thanh toán theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do ông D đã thanh toán được 200.000.000 đồng vào ngày 02 tháng 11 năm 2021 và ngày 28 tháng 01 năm 2022, nên Công ty Th chỉ yêu cầu ông D phải chịu lãi trên số tiền nợ còn lại là 680.540.927 đồng từ ngày 01 tháng 6 năm 2021 đến ngày 01 tháng 8 năm 2022; đồng thời Công ty Th cũng chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước $9\%/năm = 0.75\%/tháng$ (thấp hơn mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam); điều này là có lợi cho ông D. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01 tháng 6 năm 2021 đến ngày 01 tháng 8 năm 2022 là: 71.456.797 đồng.

[3.4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Th để buộc ông D phải trả cho Công ty số tiền nợ gốc là 680.540.927 đồng và tiền lãi là 71.456.797 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Công ty Th không phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Ông D phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Quốc tế Th đối với ông Phạm Nguyễn Quốc D.

Buộc ông Phạm Nguyễn Quốc D có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Quốc tế Th số tiền nợ vốn là 680.540.927 đồng (sáu trăm tám mươi triệu năm trăm bốn mươi nghìn chín trăm hai mươi bảy đồng) và tiền lãi là 71.456.797 đồng (bảy mươi một triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm chín mươi bảy đồng). Tổng cộng là 751.997.724 đồng (bảy trăm năm mươi một triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi bốn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Nguyễn Quốc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 34.079.909 đồng (ba mươi bốn triệu không trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm linh chín đồng).

Công ty TNHH Quốc tế Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.611.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm mười một nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0001068 ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X, An Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. AN Giang (1);
- VKSND tp. X (2);
- Chi cục THADS tp. X (1);
- Các đương sự (3);
- Văn phòng (4);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thùy Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Việt

Nguyễn Văn Sơn

Nguyễn Thùy Giang